

Số: /BC- TCKH

Lương Tài, ngày tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình quản lý đầu tư công cả năm 2023

Căn cứ Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 và Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định chế độ báo cáo và hệ thống biểu mẫu báo cáo việc lập kế hoạch đầu tư công, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công, thanh toán vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Thực hiện chương trình công tác của UBND huyện. Phòng Tài chính - KH báo cáo kết quả thực hiện đầu tư và quản lý sử dụng vốn đầu tư công năm 2023, kế hoạch triển khai năm 2024 như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

I. Những kết quả đạt được

1. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư

Trong năm 2023, đã tổ chức triển khai có hiệu quả Luật đầu tư công; đặc biệt các quy định về chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thuộc ngân sách huyện, xã quản lý. Thực hiện thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cấp huyện, cấp xã quản lý 14 công trình.

Trình HĐND huyện phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung (Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND huyện); phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 (Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND huyện).

2. Công tác phê duyệt dự án và tổ chức lựa chọn nhà thầu

Năm 2023, trên địa bàn huyện có 12 gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu qua mạng, với các nội dung cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ tổng số gói thầu qua mạng/ tổng số gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh: 100%.

+ Tỷ lệ tổng giá trị gói thầu thực hiện qua mạng/ tổng giá trị các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh: 100%.

Đạt tỷ lệ yêu cầu theo lộ trình tại Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Công tác quản lý dự án, kiểm tra chất lượng, giám sát công trình

Công tác quản lý thực hiện dự án hiện nay thực hiện theo Luật Xây dựng, đối với các dự án do UBND huyện và các cơ quan thuộc UBND huyện làm chủ đầu tư giao BQL các DAXD huyện quản lý dự án; đã bám sát kế hoạch chi tiết của từng dự án để thực hiện, đảm bảo tính đồng bộ khi thực hiện các dự án từ khâu chuẩn bị đầu tư, lập dự án và triển khai thi công.

Nhìn chung các dự án triển khai đảm bảo tiến độ đề ra. Công tác đảm bảo chất lượng luôn đặt lên hàng đầu, thực hiện theo đúng quy định về quản lý chất lượng công trình, thi công đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ và có sự giám sát chặt chẽ về mặt kỹ thuật, chất lượng thi công từng hạng mục công trình.

4. Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

Công tác quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2023 được đẩy mạnh, hầu hết các dự án đều được tổ chức quyết toán đúng thời gian quy định. Trong kỳ, Phòng đã thẩm tra, trình phê duyệt quyết toán 21 dự án. Trong quá trình thẩm định quyết toán đã phát hiện sai sót về đơn giá, khối lượng, các nội dung chi phí trong đầu tư, cơ quan thẩm tra quyết toán đã cắt giảm 635 triệu đồng so với giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư.

5. Tình hình phân bổ vốn đầu tư và giải ngân cả năm 2023

Công tác phân bổ kế hoạch vốn đầu tư XDCB thực hiện theo đúng các nguyên tắc, quy định hiện hành của nhà nước. Chi bố trí vốn cho các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Ưu tiên vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ dự án trọng điểm và xử lý nợ đọng XDCB. Bố trí vốn theo hướng tập trung hoàn thành dứt điểm, tránh tình trạng dàn trải, kéo dài thời gian thực hiện.

Kế hoạch vốn được giao năm 2023 (*bao gồm cả số vốn năm 2022 chuyển sang*) là: 247.434 triệu đồng, đã giải ngân 240.487 triệu đồng, đạt 97,2 % so với KH vốn. Cụ thể từng nguồn vốn như sau:

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: Kế hoạch vốn 16.107 triệu đồng, đã giải ngân 16.107 triệu đồng, đạt 100% KH vốn.

- Vốn ngân sách tỉnh (tỉnh quản lý): Kế hoạch vốn 71.991 triệu đồng, đã giải ngân 70.063 triệu đồng, đạt 97,3% KH vốn.

- Vốn ngân sách huyện: Kế hoạch vốn 22.213 triệu đồng, đã giải ngân 19.801 triệu đồng, đạt 89,1% KH vốn.

- Vốn hạ tầng nông thôn (ngân sách xã quản lý):

+ Kế hoạch vốn năm là 137.123 triệu đồng, đã giải ngân 134.516 triệu đồng, đạt 98,1% KH vốn.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

*** Các giải pháp đã triển khai thực hiện để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2023.**

UBND huyện đã triển khai đến các chủ đầu tư thực hiện Văn bản số 1132/UBND-KTTH ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc tăng cường quản lý, thanh toán để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023; Văn bản số 1965/UBND-KTTH ngày 23/6/2023 về việc thực hiện nghiêm các quy định trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2023 nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. UBND huyện đã ban hành Văn bản số 1298/UBND-KTTH ngày 22/9/2023 về việc chấn chỉnh công tác lập, phân bổ, giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm. Trong thời gian tới, UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các phòng ban liên quan, chủ đầu tư rà soát giải ngân, thực hiện điều chuyển vốn đảm bảo đạt tỷ lệ giải ngân theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh.

II. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Công tác tổ chức thực hiện của chủ đầu tư còn có những hạn chế, thiếu quyết liệt, sâu sát; công tác chuẩn bị thủ tục dự án mới còn chậm.

- Các dự án đấu giá QSD đất trên địa bàn huyện triển khai do công tác GPMB còn gặp khó khăn, vướng mắc, người dân chưa đồng thuận, khiếu kiện về chính sách đền bù, yêu cầu xác định giá bồi thường sát giá thị trường. Do vậy nguồn vốn của địa phương chủ yếu trông chờ vào nguồn ngân sách tỉnh, dẫn đến việc không chủ động được kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Sự biến động tăng giá nguyên vật liệu xây dựng (nhất là giá thép, giá xăng dầu, xi măng và một số vật liệu xây dựng khác) dẫn đến việc phải điều chỉnh dự toán. Nhiều hợp đồng xây dựng ký kết theo hình thức đơn giá cố định hoặc hợp đồng trọn gói nên các nhà thầu thi công cảm chừng, tiến độ thi công bị kéo dài dẫn đến tiến độ giải ngân chưa đảm bảo theo quy định.

B. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẦU TƯ CÔNG TRONG NĂM 2024

I. Nguyên tắc chung lập kế hoạch đầu tư công năm 2024

- Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 phải đảm bảo kế hoạch theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc xây dựng kế hoạch phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án.

- Việc bố trí vốn ngân sách Nhà nước năm 2024 phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ, không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn hết đến năm 2023 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2022 và dự kiến giải ngân năm 2023 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023). Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2024.

- Bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc Hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025. Cụ thể việc phân bổ vốn phải đảm bảo theo thứ tự ưu tiên sau:

- (1) Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.
- (2) Bố trí đủ vốn để thu hồi vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.
- (3) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023.
- (4) Bố trí đủ vốn cho dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2024 theo thời gian bố trí vốn.
- (5) Bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch.
- (6) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt.
- (7) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án nêu trên mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đã đủ thủ tục đầu tư trước ngày 31/12/2023.

II. Kế hoạch triển khai thực hiện đầu tư công năm 2024

- Triển khai thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư ngay từ khi được giao kế hoạch vốn năm 2024.

- Tích cực chỉ đạo các chủ đầu tư phối hợp các phòng ban có liên quan thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tập trung ưu tiên vào các dự án, công trình trọng điểm.

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công nhằm hoàn thành trong năm 2024: ĐTXD Trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Lương Tài.

- Chỉ đạo triển khai xây dựng 08 công trình cấp huyện quản lý dự kiến khởi công gồm: ĐTXD Trung tâm hội nghị huyện Lương Tài; ĐTXD các điểm dân cư nông thôn để đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Quảng Phú, huyện Lương Tài;

ĐTXD Trung tâm văn hoá thể thao huyện Lương Tài (hạ tầng thiết yếu GD2); Đường nội thị thị trấn Thứa (đoạn từ cổng sau Trường Hàn Thuyên mới đi công Phượng Giáo) - GD2; Sản xuất và chế biến các sản phẩm nông sản tại xã Minh Tân, huyện Lương Tài; ĐTXD xưởng chế biến, bảo quản sản phẩm nông sản sạch xuất khẩu và khu trồng trọt ứng dụng công nghệ cao tại xã Minh Tân, huyện Lương Tài; ĐTXD xưởng sơ chế các sản phẩm nông nghiệp tại xã Minh Tân, huyện Lương Tài; Đầu tư lắp đặt hệ thống Camera an ninh huyện Lương Tài.

III. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2024

1. Nâng cao chất lượng xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hàng năm; chấn chỉnh công tác lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn để sẵn sàng triển khai khi bố trí được nguồn vốn.

2. Tiếp tục quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đấu giá quyền sử dụng đất để có nguồn vốn đầu tư công năm 2024 và các năm tiếp theo. Nâng cao trách nhiệm của các chủ đầu tư trong việc huy động nguồn lực của địa phương, tăng cường quản lý vốn đầu tư công.

3. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công, tiến độ giải ngân vốn đầu tư XDCB ngay từ đầu năm; quan tâm đến công tác quyết toán dự án hoàn thành; có chế tài đối với các đơn vị không thực hiện quyết toán, chậm lập quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định.

4. Tập trung thực hiện và giải ngân vốn các công trình quan trọng, trọng điểm, các dự án đền bù, giải phóng mặt bằng thuộc ngân sách tỉnh, các công trình có khả năng hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm.

5. Các phòng ban chuyên môn phối hợp với chủ đầu tư thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện dự án và giải ngân vốn đã bố trí; tham mưu UBND huyện điều chỉnh tổng thể Kế hoạch đầu tư công năm 2024 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phù hợp với tình hình triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về đầu tư công theo quy định của pháp luật

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực thi pháp luật về đầu tư công. Xử lý nghiêm đối với các tập thể, cá nhân thực hiện không đúng quy định gây thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước.

IV. Kiến nghị, đề xuất

- Để hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị của huyện Lương Tài theo lộ trình đầu tư xây dựng, phát triển đưa xã Lâm Thao, xã Trung Khê đạt đô thị loại V trong

năm 2024 và các năm tiếp theo. Đề nghị UBND tỉnh cần tăng cường nguồn vốn hỗ trợ cho các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện.

- Đề nghị UBND tỉnh và các sở chuyên môn tạo điều kiện để huyện Lương Tài triển khai, thực hiện các dự án đấu giá quyền sử dụng đất, tạo kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục ban hành thực hiện chính sách hỗ trợ hạ tầng nông thôn đối với các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; có cơ chế chính sách hỗ trợ đặc thù phù hợp với huyện Lương Tài.

- Đề nghị UBND huyện tiếp tục đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bãi bỏ chủ trương dự án theo tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 09/6/2023 của UBND huyện Lương Tài.

Trên đây là báo cáo tình hình quản lý đầu tư công năm 2023, kế hoạch triển khai năm 2024 trên địa bàn, Phòng Tài chính - KH báo cáo UBND huyện xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Lưu: VT.

PHÒNG TÀI CHÍNH - KH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN NGÂN SÁCH CẤP XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN QUẢN LÝ
(Kể từ Báo cáo số /BC-TCKH ngày tháng năm 2024 của Phòng Tài chính - KH huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	STT	Tên công trình, dự án	Hạng mục	Mã dự án	Chức năng	Số Quyết định đầu tư, dự án quy hoạch QĐ hoặc QĐ	TMDT	NS tỉnh, hồ sơ	Số vốn đã phân bổ năm 2023										Giá trị giải ngân				Số vốn của vốn còn thiếu																		
									Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022				Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài				Số vốn đã phân bổ năm 2023										Giá trị giải ngân				Số vốn của vốn còn thiếu										
									Trong đó				Trong đó				Trong đó				Trong đó				Trong đó				Trong đó				Thiếu so với KLIHT đến 31/12/2023		Thiếu so với TMDT						
									Tổng số	NS tỉnh, hồ sơ	NS huyện, xã	Ngân vốn khác	Tổng số	NS tỉnh	NS huyện, xã	Tổng số	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	NS khác	Tổng số	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	NS khác	Tổng số	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	NS khác	Tổng số	NS tỉnh	NS huyện, xã	Tổng số	NS tỉnh	NS huyện, xã					
TỔNG CỘNG								1.643.864	790.687	749.970	545.981	202.989	1.000	277	277	136.946	105.661	22.661	83.000	4.900	4.900	23.084.967	3.200	1.011.054	974.725	36.259	764.153	566.728	134.216	271	103.060	4.900	23.085	1.011.054	3.200	126.541	14.080	112.461	156.786	17.142	139.644
A	A	Dự án HNPT có sự đồng thuận của tỉnh hỗ trợ						862.789	740.732	677.570	542.247	135.223		277	277	99.930	91.880	22.661	69.219			8.050	851.212	848.912	2.300	691.753	562.094	100.166	271	91.844			8.050	73.449	14.080	59.370	85.027	17.142	67.885		
A.1	A.1	Công trình quy hoạch						730.540	642.486	580.847	493.051	87.796		277	277	96.096	86.303	22.884	65.819			7.793	730.261	730.591	895.030	813.798	96.331	271	88.267			7.793	53.296	1	53.295	53.335	1	53.335			
I	I	Trường học						378.205	320.478	313.377	263.412	49.065		57	57	37.857	33.122	22.484	10.638			4.735	378.306	378.306	313.810	268.855	37.895	27	33.108			4.735	27.028	1	27.028	27.028	1	27.028			
1	1	Trường MN tập trung xã Lai Hạ	3 tầng 12 phòng	7587540	Lai Hạ	1284-23/5/2019		13.492	7.176	12.576	7.176	5.400				308						308	13.492	13.492	12.576	7.176	308			308	608		608	608		608					
2	2	Trường MN xã Trưng Xá	xây mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng; sửa chữa 8 phòng	7586617	Trưng Xá	2132-30/9/2019		9.735	7.728	8.523	7.728	795				858						858	9.735	9.735	8.523	7.728	858			858	354		354	354		354					
3	3	Trường tiểu học An Thái A	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và xây mới nhà để nắng	7709507	An Thái	2063-27/5/2019		6.103	5.461	5.853	5.461	392				85						85	6.103	6.103	5.853	5.461	85			85	165		165	165		165					
4	4	Trường THCS xã Lai Hạ	Nhà kiến bộ và HMPG	7703086	Lai Hạ	2130-30/9/2019		4.738	3.910	4.287	3.922	365				163						163	4.738	4.738	4.287	3.922	163			163	288		288	288		288					
5	5	Trường MN Phú Lương (GD)	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	7756300	Phú Lương	065-30/9/2020		11.054	9.038	10.184	9.038	1.154											11.054	11.054	10.184	9.038			870		870	870		870							
6	6	Trường tiểu học Lai Hạ	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	7673923	Lai Hạ	208-20/12/2018		3.481	3.481	3.000	2.955	105											3.481	3.481	3.000	2.955			421		421	421		421							
7	7	Trường Mầm non tập trung giới thiệu số 2	Nhà kiến bộ	7705300	Lai Hạ	2141-30/9/2019		5.675	5.675	5.332	5.332											5.675	5.675	5.332	5.332			343		343	343		343								
8	8	Trường THCS xã An Thái	Xây mới nhà để nắng	7732345	An Thái	102A-26/9/2019		3.345	2.808	3.345	3.214	131		14	14							3.345	3.345	3.317	3.188	14	14			14		14		14							
9	9	Trường Mầm non tập trung số 1 xã An Thái	Nhà ăn, vườn có tích và một số hạng mục phụ trợ	7783172	An Thái	94-04/9/2020		1.862	1.862	1.650	1.000	650		9	9							1.862	1.862	1.854	1.204	9	9			204		204	204		204						
10	10	Trường tiểu học xã Trưng Xá (GD)	Xây mới nhà để nắng và sửa chữa một số hạng mục phụ trợ	7709699	An Thái	1047-18/6/2021		6.808	6.808	6.802	6.802			6	6							6.808	6.808	6.808	6.802			0		0		0	0		0						
11	11	Trường tiểu học An Thái A	Nhà để xe, nhà ăn bán trú và các hạng mục phụ trợ	7922497	An Thái	225225-21/12/2021		7.794	7.794	2.900	2.500			29	29							7.794	7.794	7.765	7.065	29	29			5.265		5.265	5.265		5.265						
12	12	Trường tiểu học xã 1 An Thái, xã An Thái	Sửa chữa, công tác xây dựng, chỉnh trang khuôn viên trường tiểu học 2 tầng 8 phòng	7582055	An Thái	35-10/1/2018		12.228	11.283	11.283	11.283					1.092						1.092	12.228	12.228	11.283	11.283			945		945	945		945							
13	13	Trường Mầm non An Thái số 1 (GD)	Nhà kiến bộ, nhà lớp học 2 tầng, sân vận động	7666084	An Thái	1630-23/7/2019		14.069	10.871	10.871	10.871					1.092						1.092	14.069	14.069	10.871	10.871	1.092			2.106		2.106	2.106		2.106						
14	14	Trường THCS xã Thái	Nhà kiến bộ (963x7) và các HMPG	7689707	An Thái	2129-30/9/2019		6.100	5.536	5.536	5.536					1.092						1.092	6.100	6.100	5.536	5.536			624		624	624		624							
15	15	Trường tiểu học An Thái B	Xây mới nhà kiến bộ và nhà lớp học 02 tầng 4 phòng	7645725	An Thái	2123-27/5/2019		5.395	4.815	4.815	4.815	0										5.395	5.395	4.815	4.815			580		580	580		580								
16	16	Trường Mầm non Phú Lương (GD2)	Nhà kiến bộ và các HMPG	7756259	Phú Lương	2143-30/9/2019		12.608	9.800	11.011	9.800	1.211				614						614	12.608	12.608	11.011	9.800	614			983		983	983		983						
17	17	Trường tiểu học Phú Lương	Công trình phụ trợ	7699222	Phú Lương	35A-09/6/2019		1.430	1.331	1.331	1.331												1.430	1.430	1.331	1.331			99		99	99		99							
18	18	Trường tiểu học Mỹ Hương	Xây mới nhà lớp học 4 tầng 4 phòng và cải tạo nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	7588733	Mỹ Hương	06A-01/5/2017		4.693	4.280	4.469	4.280	189										4.693	4.693	4.469	4.280			224		224	224		224								
19	19	Trường THCS Trưng Kinh	Các công trình phụ trợ	7732273	Trưng Kinh	107A-30/9/2019		2.891	1.445	2.415	1.445	970										2.891	2.891	2.415	1.445			476		476	476		476								
20	20	Trường THCS Trưng Kinh	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	7681809	Trưng Kinh	2145-30/9/2019		5.357	2.960	3.685	2.960	725				1.068	1.000					1.068	5.357	5.357	3.685	2.960	1.068	1.000			604		604	604		604					
21	21	Trường tiểu học xã Lâm Thao	Xây mới nhà để nắng và nhà kiến bộ	7640472	Lâm Thao	2057-18/9/2020		7.817	7.200	7.200	7.200											7.817	7.817	7.200	7.200			617		617	617		617								
22	22	Trường trung học xã Lâm Thao	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và cải tạo nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	7640473	Lâm Thao	2056-19/9/2020		8.287	5.260	5.260	5.260											8.287	8.287	5.260	5.260			3.027		3.027	3.027		3.027								
23	23	Trường Mầm non xã Lâm Thao	Nhà kiến bộ	7632779	Lâm Thao	99-20/7/2018		3.762	3.469	3.469	3.469											3.762	3.762	3.469	3.469			293		293	293		293								
24	24	Trường THCS xã Lâm Thao	Nhà kiến bộ	7634383	Lâm Thao	51-14/11/2018		4.580	4.380	4.380	4.380											4.580	4.580	4.380	4.380			200		200	200		200								
25	25	Trường tiểu học số 2 xã Quảng Phú	Nhà kiến bộ và HMPG	7645725	Quảng Phú	46A-01/10/2019		4.525	2.912	2.912	2.912	0				1.000	1.000					4.525	4.525	2.912	2.912	1.000	1.000			613		613	613		613						
26	26	Trường Mầm non xã Quảng Phú	Nhà lớp học 02 tầng 6 phòng và 02 phòng HMPG	7730545	Quảng Phú	2143-30/9/2019		6.820	4.784	4.784	4.784	0										6.820	6.820	4.784	4.784			2.036		2.036	2.036		2.036								
27	27	Trường Mầm non xã Quảng Phú	Hạng mục phụ trợ	7711552	Quảng Phú	36A-09/6/2019		3.134	1.567	2.567	1.567	1.000										3.134	3.134	2.567	1.567			567		567	567		567								
28	28	Trường THCS Quảng Phú	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học và các hạng mục phụ trợ	7640470	Quảng Phú	18-10/4/2019		4.519	3.702	4.243	3.702	541										4.519	4.519	4.243	3.702			276		276	276		276								
29	29	Trường mầm non xã Quảng Phú	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng số 2 GB	7645727	Quảng Phú	1602-19/10/2018		6.246	4.784	5.884	4.784	1.100										6.246	6.246	5.884	4.784			362		362	362		362								
30	30	Trường MN Quảng Phú	Nhà lớp học 02 tầng 8 phòng	7582054	Quảng Phú	96B-24/7/2018		8.371	4.784	7.950	4.784	3.166										8.371	8.371	7.950	4.784			421		421	421		421								
31	31	Trường THCS xã Quảng Phú	2 tầng 8 phòng	7529013	Quảng Phú	1526-24/10/2016		4.656	2.960	3.810	2.960	880										4.656	4.656	3.810	2.960			846		846	846		846								
33	32	Trường MN tập trung số 2 xã Minh Tân	Nhà lớp học kết hợp nhà kiến bộ	7625588	Minh Tân	1137-17/8/2018		14.160	9.095	13.560	9.095	4.465				221						221	14.160	14.160	13.560	9.095	221		221	379		379	379								

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 CÁC DỰ ÁN THUỘC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-TCKH ngày tháng 02 năm 2024 của Phòng Tài chính - KH huyện)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên công trình, dự án	Số quyết định phê duyệt dự án/quyết toán, ngày, tháng, năm	Mã dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bỏ tri và ứng trước đến hết năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2023				Giá trị khối lượng hoàn thành			Giá trị giải ngân						Nhu cầu vốn còn thiếu						
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện		Nguồn vốn từ đầu giá đất	Tổng số	Trong đó		Lũy kế từ khởi công đến hết 31/01/2023			Giải ngân KH vốn Từ 01/01/2023 đến 31/01/2024 (Kế hoạch vốn năm 2023)			Thiếu so với giá trị KLHT đến hết 31/12/2023	Thiếu so với TMDT				
						NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện	Nguồn vốn từ đầu giá đất			NS tỉnh hỗ trợ	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2022			Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Tổng số	NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện	Tổng số	NS huyện								
																				Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài	Vốn kế hoạch giao trong năm 2023	Tổng số			Tổng số			
TỔNG SỐ					500,978	81,674	46,299	35,375	-	22,213	-	16	22,000	213	-	114,328	110,374	3,954	81,674	46,299	35,375	19,801	-	32	19,801	14,762	397,091	-
Phần 1	Dự án có sử dụng ngân sách tỉnh hỗ trợ			87,505	46,299	46,299	-	-	2,215	-	2,215	-	-	-	58,000	58,000	-	46,299	46,299	-	2,215	-	2,215	9,486	38,991	-		
A	Dự án đã quyết toán																											
B	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán			87,505	46,299	46,299	-	-	2,215	-	2,215	-	-	-	58,000	58,000	-	46,299	46,299	-	2,215	-	2,215	9,486	38,991	-		
2	Chính trang đô thị trung tâm thị trấn Thửa	1748-30/10/2019	7930203	45,058	17,899	17,899									22,000	22,000		17,899	17,899							4,101	27,159	
3	Cải tạo, chỉnh trang sông thửa (Đoạn hồ thửa đi TL280)	1908-26/10/2018	7730584	42,447	28,400	28,400			2,215						36,000	36,000		28,400	28,400		2,215					5,385	11,832	
C	Dự án chuyển tiếp																											
D	Dự án khởi công mới																											
E	Dự án đã phê duyệt dự án nhưng chưa được bỏ tri vốn																											
G	Dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa có quyết định phê duyệt dự án																											
Phần 2	Dự án 100% vốn NS huyện			413,473	35,375	-	35,375	-	19,998	-	19,785	213	-	56,328	52,374	3,954	35,375	-	35,375	17,586	-	17,586	-	17,586	5,276	358,100	-	
A	Dự án đã phê duyệt quyết toán			32,778	25,548	-	25,548	-	6,636	-	6,636	-	-	32,778	32,778	-	25,548	-	25,548	6,636	-	6,636	-	6,636	594	594	-	
1	ĐTXD đường ĐH8 (đường ĐH01 mới) đoạn từ TL280 đi Cầu Bến, xã Bình Định ĐGD2	1497/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	7992247	2,766	1,238	1,238			1,000						2,766	2,766		1,238	1,238		1,000					528	528	
2	Chính trang đô thị Thị trấn Thửa hạng mục: Lắp điện chiếu sáng và đài phun nước	702-19/4/2021	7773785	9,139	8,000	8,000			1,139						9,139	9,139		8,000	8,000		1,139							
3	Đầu tư xây dựng vườn hoa, cây xanh và hạ ngầm đường điện khu nhà ở đường nội thị	1710-19/12/2022	7872954	8,471	5,000	5,000			3,464						8,471	8,471		5,000	5,000		3,464					7	7	
4	Đường nội thị thị trấn Thửa (Đoạn từ công sau trường Hàn Thuyên mới đi công Phương Giáo) - GD 1	1711-19/12/2022	7894067	12,402	11,310	11,310			1,033						12,402	12,402		11,310	11,310		1,033					59	59	
B	Dự án hoàn thành chờ quyết toán			19,334	8,700	-	8,700	-	5,572	-	5,572	-	-	18,846	18,846	-	8,700	-	8,700	5,572	-	5,572	-	5,572	4,574	5,062	-	
1	Cải tạo nâng cấp chỉnh trang khu vòng xuyên trung tâm huyện Lương Tài	2666-12/10/2020	7930203	14,988	5,200	5,200			5,572						14,500	14,500		5,200	5,200		5,572					3,728	4,216	
2	Cải tạo, nâng cấp công trình Đài tưởng niệm chiến thắng chiến dịch thủy lợi Bạch Đằng	1541A-25/10/2016	7611177	4,346	3,500	3,500									4,346	4,346		3,500	3,500							846	846	
C	Dự án chuyển tiếp																											
D	Dự án khởi công mới năm 2023			361,361	1,127	-	1,127	-	7,790	-	7,577	213	-	4,704	750	3,954	1,127	-	1,127	5,378	-	5,378	-	5,378	108	352,444	-	
1	ĐTXD Trung tâm hội nghị huyện Lương Tài		7992248	96,000	500	500										500		500									95,500	
2	ĐTXD các điểm dân cư nông thôn để đầu tư quyền sử dụng đất tại xã Trung Kênh, huyện Lương Tài		8021319	11,271	-	-			1,000						376		376		1,000								10,271	
3	ĐTXD các điểm dân cư nông thôn để đầu tư quyền sử dụng đất tại xã Quảng Phú, huyện Lương Tài		8021321	10,000	-	-																					10,000	
4	ĐTXD trung tâm văn hoá thể huyện Lương Tài (Hà tăng thiết yếu giai đoạn 2)		7546982	197,000																							197,000	
5	ĐTXD mở rộng tuyến đường huyện ĐH8 (đoạn từ TL285 đi Đàng Triều, Trùng Xá đi đê hữu sông Thái Bình, minh Tân		8021320	10,200					2,798						386		386			386							7,402	

TT	Tên công trình, dự án	Số quyết định phê duyệt dự án/quyết toán, ngày, tháng, năm	Mã dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lấy kế vốn đã bố trí và ứng trước đến hết năm 2022			Kế hoạch vốn năm 2023				Giá trị khối lượng hoàn thành		Giá trị giải ngân					Nhu cầu vốn còn thiếu						
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Lũy kế từ khởi công đến hết 31/01/2023		Giải ngân KH vốn Từ 01/01/2023 đến 31/01/2024 (Kế hoạch vốn năm			Thiếu so với giá trị KLHT đến hết 31/12/2023	Thiếu so với TMDT			
						NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện	Nguồn vốn từ đầu giá đất		NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện			Nguồn vốn từ đầu giá đất	Lũy kế từ khởi công đến hết 31/12/2022	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Tổng số	Trong đó		Tổng số		Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài	Vốn kế hoạch giao trong năm 2023	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh hỗ trợ
											XDCB tập trung	Nguồn Khác						NS tỉnh hỗ trợ	NS huyện						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	14	15	16	17	18	20	21	22	23	24	25	28	31	32	35	36	37
6	Đường nội thị thị trấn Thừa (Đoạn từ công sau trường Hàn Thuyên mới đi công Phương Giáo) - GD 2	735-18/5/2022	7992242	36,105	627		627		3,207		2,994	213		3,942	750	3,192	627		627	3,207		3,207	108	32,271	
7	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lương Tài		8066661	785					785		785									785		785			

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÁC DỰ ÁN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-TCKH ngày tháng năm 2024 của Phòng Tài chính - KH huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình, dự án	Mã dự án ở kho bạc	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư (hoặc QĐ điều chỉnh lần gần nhất)/QĐ phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí và tng trước đến hết năm 2022		Kế hoạch vốn năm 2023					Giá trị khối lượng hoàn thành		Giá trị giải ngân			Nhu cầu vốn còn thiếu		TỶ LỆ GIẢI NGÂN
						Số.../QĐ... ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân hết kéo dài sang năm 2023	Tổng số	Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	Lũy kế từ khởi công đến hết 31/12/2022	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Lũy kế từ khởi công đến hết 31/01/2024 (Kế hoạch vốn các năm trước)	Giải ngân KH vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023	Giải ngân KH vốn năm 2023 Từ 01/01/2023 đến 31/01/2024	Thiếu so với giá trị KLHT đến hết 31/10/2023	Thiếu so với TMDT	
TỔNG SỐ						1,224,399	859,882	-	36,991	41,900	11,500	(4,667)	(11,742)	881,000	55,683	793,502	-	35,063	54,495	322,678	94,79%	
A	Dự án giai đoạn 2016-2020					1,168,716	837,882	-	14,391	30,400	-	(167)	(11)	873,000	607,650	793,502	-	55,496	196,953	311,996		
I	Dự án đã phê duyệt quyết toán																					
II	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán					792,241	634,030	-	622	400	-	(167)	(11)	663,000	599,650	599,650	-	43,655	196,574	153,142	1	
1	Dự án Cải tạo nâng cấp đường huyện từ TL 280- cầu Phú Lâu xã Phú Lương huyện LT	7536668	C	Phú Lương - Lương Tài	Ban QLDA	474-28/4/2016	73,444	55,903							58,000		55,903			2,097	17,541	
2	Cải tạo nâng cấp TL 285 đoạn Táo Đồi An Mỹ	7199753	C	Lương Tài	Ban QLDA	1240/QĐ-UBND ngày 11/09/2017	60,843	56,183							59,000		56,183			2,817	4,660	
3	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường TT5, đường nội thị khu trung tâm thị trấn Thứa, huyện Lương Tài	7296809	C	Lương Tài	Ban QLDA	1005/QĐ-UBND ngày 22/08/2011	26,183	15,500							18,000		15,500			2,500	10,683	
4	Trụ Sở UBND xã Bình Định	7716756	C	Lương Tài	Ban QLDA	494-12/4/2018	14,964	12,000							14,500		12,000			2,500	2,964	
5	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên huyện từ TL 281- đê Hữu Đường	7487681	B	Lương Tài	Ban QLDA	659/QĐ-UBND ngày 09/5/2018	158,506	129,895							140,000		129,895			10,105	28,611	
6	Đường nội thị trung tâm thị trấn Thứa tuyến TTT	7106531	C	Lương Tài	Ban QLDA	603/QĐ-SGTVT 19/06/2020	15,147	8,850							14,000		8,850			5,150	6,297	
7	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường ĐT 281 (đoạn từ nút giao Kim Đào đi qua Quảng Phú và Bình Định), huyện Lương Tài	7584561	C	Lương Tài	Ban QLDA	1468/QĐ-UBND 31/10/2016	51,633	45,000							47,000		45,000			2,000	6,633	
8	Dự án đường dẫn vào khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung huyện Lương Tài	7736167	B	Phú Hòa - Lương Tài	Ban QLDA	1907/QĐ-UBND 26/10/2018	147,308	119,000							124,000		119,000			5,000	28,308	
9	Cụm mầm non tập trung số 2 xã Bình Định	7743990	B	Bình Định - Lương Tài	Ban QLDA	1755/QĐ-UBND 11/10/2018	52,279	44,155							48,000		44,155			3,845	8,124	
10	Cải tạo nâng cấp đường huyện DH 11 (Đoạn từ cầu Táo Đồi đi TL284 mới)	7804931	C	Lương Tài	Ban QLDA	1732/QĐ-UBND 30/10/2019	58,067	38,880							42,000		26,800			3,120	19,187	
	ĐTXD đường ĐH8 đoạn từ TL280 đi Cầu Bền, xã Bình Định, huyện Lương Tài	7872953	C	Bình Định - Lương Tài	Ban QLDA	QĐ số 884/QĐ-UBND ngày 13/6/2019	19,533	14,463		222	400		(167)	(11)				222				100%
12	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL280 (đoạn từ Thị Trấn Thứa đi QL38), huyện Lương Tài	7804930	B	Bình Định - Lương Tài	Ban QLDA	1727/QĐ-UBND 30/10/2019	114,334	94,201							98,500		86,364			4,299	20,133	
III	Dự án chuyển tiếp					376,475	203,852	-	13,769	30,000	-	-	-	210,000	8,000	193,852	-	11,841	379	158,854	86%	
1	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp TL 284 đoạn Thứa đi Văn Thái	7683561	B	Trung Chính - Lương Tài	Ban QLDA	1544/QĐ-UBND 27/10/2017	197,396	111,845		9,500	20,000		(4,500)	(6,000)	115,000	8,000	101,845		7,572	1,655	76,051	80%
2	Dự án ĐTXD trụ sở huyện ủy, HĐND - UBND huyện Lương Tài	7827560	B	Thị trấn Thứa - Lương Tài	Ban QLDA	607/QĐ-UBND 19/04/2019	179,079	92,007		4,269	10,000		(5,731)		95,000		92,007		4,269	(1,276)	82,803	100%
B	Dự án giai đoạn 2021-2025					55,683	22,000	-	23,000	11,500	11,500	-	-	8,000	47,683	-	-	23,000	10,683	10,683	100.0%	
I	Dự án đã phê duyệt quyết toán	7804932																				
II	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán																					
III	Dự án chuyển tiếp					55,683	22,000	-	23,000	11,500	11,500	-	-	8,000	47,683	-	-	23,000	10,683	10,683	100.0%	
1	ĐTXD 10 trạm bơm cục bộ huyện Lương Tài	7952247	C	Ban QLDA	Ban QLDA	1748/QĐ-UBND 30/10/2019	55,683	22,000		23,000	11,500	11,500			8,000	47,683		23,000	10,683	10,683	100.0%	

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2023 ĐỐI VỚI DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-TCKH ngày tháng năm 2024 của Phòng Tài chính - KH huyện)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã kho bạc	Chủ đầu tư	Phân loại lĩnh vực theo phụ lục QĐ 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư (điều chỉnh lần gần nhất)			Lũy kế vốn đã bỏ trí và ứng trước đến hết năm 2022			Kế hoạch vốn phân bổ và ứng trước trong năm 2023				Giá trị KLHT		Giá trị giải ngân				Nhu cầu vốn còn thiếu			Tỷ lệ giải ngân
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					Tổng số	Trong đó		Tổng số	NSTW		NSDP đối ứng	Lũy kế từ khởi công đến hết 31/12/2022	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Lũy kế đến 31/01/2023 (Kế hoạch vốn các năm trước)		Giải ngân KH vốn năm kế hoạch Từ 01/01/2023 đến 31/01/2024		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW	NSDP đối ứng		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Thiếu so với tổng giá trị KLHT đến 31/10/2023	Trong đó: Vốn NSTW	Thiếu so với TMDT		
	Dự án giai đoạn 2021-2025								246,258	90,000	79,719	73,893	5,826	51,107	10,007	6,100	35,000	21,200	60,800	79,719	73,893	51,107	16,107	(48,826)	115,432	-	100.00%
1	Hệ thống xử lý nước thải đô thị Thửa, Lương Tài	7872958	Ban QLDA	2	B	Thị trấn Thửa-Lương Tài	2021-2024	1143/QĐ-UBND 17/09/2021	246,258	90,000	79,719	73,893	5,826	51,107	10,007	6,100	35,000	21,200	60,800	79,719	73,893	51,107	16,107	(48,826)	115,432	-	100.00%

	Kế hoạch vốn	Giải ngân	Đạt %
Trung ương	16,107	16,107	100.0%
Tỉnh	71,991	70,063	97.3%
Huyện	22,213	19,801	89.1%
Xã	137,123	134,516	98.1%
Tổng	247,434	240,487	97.2%